

CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM

Số: 46 /SGD

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2018 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM đã được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán AAC được lập ngày 21/02/2019 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.
7. Nội dung giải trình:
 - 7.1 Nội dung lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng 22.4% so với năm 2017 do: Tuy tổng doanh thu năm 2018 giảm 15% so với năm 2017, nhưng doanh thu về sách tham khảo năm 2018 tăng 10% so với cùng kỳ, năm 2017 có doanh thu về bán bất động sản 10.100.000.000 đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng 22,4% so với cùng kỳ.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2018 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/10/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 091/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21/02/2019, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

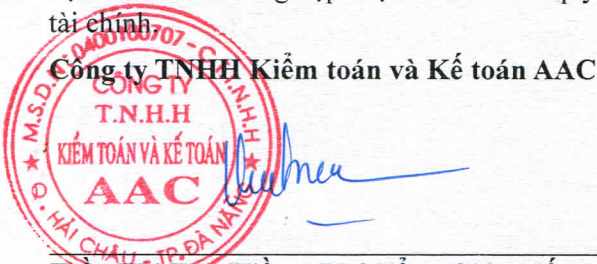
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.429.566.584	51.488.821.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.185.092.768	13.440.544.658
1. Tiền	111		6.557.761.849	5.440.544.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.627.330.919	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.185.530.423	9.037.821.875
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	5.531.249.092	9.112.705.975
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(345.718.669)	(74.884.100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.007.602.021	20.501.671.762
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.362.161.088	14.286.428.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	300	137.871.931
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	6.945.509.800	6.795.509.800
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	538.529.974	378.459.406
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(838.599.141)	(1.096.597.962)
IV. Hàng tồn kho	140	12	7.928.640.613	8.382.359.600
1. Hàng tồn kho	141		10.361.288.039	10.936.875.794
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.432.647.426)	(2.554.516.194)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		122.700.759	126.423.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	19.910.907	18.908.496
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	102.789.852	107.515.412
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.549.248.915	27.671.018.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.528.204.721	9.946.660.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.060.047.849	3.478.503.857
- Nguyên giá	222		5.561.078.486	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.501.030.637)	(2.082.574.629)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	16.334.490.701	16.504.771.154
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.554.405.700	14.534.405.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(219.914.999)	(29.634.546)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		686.553.493	1.219.586.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	686.553.493	1.219.586.862
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		79.978.815.499	79.159.840.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.363.529.272	21.713.190.595
I. Nợ ngắn hạn	310		21.363.529.272	21.713.190.595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.740.241.187	15.607.048.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	99.894.728	66.574.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	137.246.514	179.734.597
4. Phải trả người lao động	314		4.339.495.337	2.690.146.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.953.463.488	3.122.198.294
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	85.353.500	39.653.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.615.286.227	57.446.649.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	58.615.286.227	57.446.649.953
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	10.803.086.993	9.634.450.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.591.450.719	5.376.457.583
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.211.636.274	4.257.993.136
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		79.978.815.499	79.159.840.548



Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	91.719.380.067	92.149.218.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.107.706.163	193.702.948
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		90.611.673.904	91.955.515.919
4. Giá vốn hàng bán	11	24	71.410.998.388	76.398.649.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>19.200.675.516</u>	<u>15.556.866.184</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.893.868.947	1.421.073.297
7. Chi phí tài chính	22	26	461.115.022	365.701.959
Trong đó: Chi phí lãi vay		23		2.083.333
8. Chi phí bán hàng	25	27a.	8.455.942.739	6.235.386.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b.	5.816.152.372	5.196.787.914
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>6.361.334.330</u>	<u>5.180.063.096</u>
11. Thu nhập khác	31	28	156.074	1.354.157
12. Chi phí khác	32	29	29.035.550	6.447.397
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(28.879.476)</u>	<u>(5.093.240)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>6.332.454.854</u>	<u>5.174.969.856</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.120.818.580	916.976.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>5.211.636.274</u>	<u>4.257.993.135</u>



Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu


Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.332.454.854	5.174.969.856
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	418.456.009	418.456.008
- Các khoản dự phòng	03	81.247.433	(156.043.635)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.713.467.728)	(799.203.883)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.083.333
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	5.118.690.568	4.640.261.679
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(846.369.089)	(3.401.326.217)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	575.587.755	(1.265.330.228)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.603.029)	4.767.500.195
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	532.030.958	(184.011.003)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	3.581.456.883	(6.793.177.769)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.083.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.183.876.874)	(743.639.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.490.917.172	(2.981.806.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	10.092.018.618
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	(9.595.509.800)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	2.350.000.000	3.800.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	462.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.466.630.938	1.267.118.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.296.630.938	6.025.627.759
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.043.000.000)	(3.638.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.043.000.000)	(3.638.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.744.548.110	(594.878.525)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.440.544.658	14.035.423.183
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.185.092.768	13.440.544.658



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Kiệt

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,77%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	386.443.292	375.192.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.171.318.557	5.065.351.988
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	11.627.330.919	8.000.000.000
Cộng	18.185.092.768	13.440.544.658

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	4.467.430.000	-	3.350.620.280	3.535.720.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	103.000	-	3.201.944.701	3.383.601.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	905.580.000	-	303.458.970	271.440.000	(32.018.970)
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	18.900.000	17.465.340	36.365.340	34.800.000	(1.565.340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	797.160.000	195.701.234	992.861.234	1.033.680.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	825.931.180	128.346.095	1.108.541.790	1.067.242.000	(41.299.790)
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	172.900.000	-	118.913.660	135.300.000	-
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	44.706.000	40.500.000	4.206.000	-	-	-
Cộng	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	89.927	557.316.367	406.940	4.138.773.250
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	18.200	247.594.870	11.000	210.868.282
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	-	-	335.000	3.201.849.123
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	68.727	264.640.497	60.940	418.905.012
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	3.000	45.081.000	-	375.000
+ Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	-	306.588.333
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	-	187.500
Cộng	89.927	557.316.367	406.940	4.138.773.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018					01/01/2018				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					14.554.405.700	-			14.534.405.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	Đang hoạt động	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	52,24%	52,24%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (i)	Đang hoạt động	53,77%	53,77%	215.060	3.109.370.000		53,27%	53,27%	3.089.370.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	219.914.999			2.000.000.000	29.634.546
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	1,84%	1,84%		2.000.000.000	219.914.999	1,84%	1,84%	2.000.000.000	29.634.546
Cộng					16.554.405.700	219.914.999			16.534.405.700	29.634.546

(i) Kết quả kinh doanh của Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai và Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long là có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	3.092.531.960	1.472.591.754
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	103.582.948	401.672.182
Đối tượng khác	12.166.046.180	12.412.164.651
Cộng	15.362.161.088	14.286.428.587

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	51.879.313	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	216.198.200
Công ty CP Học liệu (EMCO)	28.603.301	18.299.261
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	103.538.185	121.731.901
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	151.537.229	212.377.673
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	103.582.948	401.672.182
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	77.395.592	213.835.082
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	299.749.758	221.679.013
Cộng	816.286.326	1.405.793.312

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	-	17.522.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông	-	97.569.680
Công nghệ Giáo Dục		
Các đối tượng khác	300	22.780.151
Cộng	300	137.871.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan) (*)	6.945.509.800	6.795.509.800
Cộng	6.945.509.800	6.795.509.800

(*) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV-VL ngày 15/05/2018, thời gian vay từ 15/05/2018 đến 31/10/2018, số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, lãi suất vay là 7%/năm..
- Hợp đồng vay vốn số 03/2017/HĐVV-VL ngày 27/12/2017 và phụ lục hợp đồng 02-2018/PLHĐ ngày 01/01/2018 với thời gian vay vốn từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018, số tiền vay là 6.295.509.800 đồng, lãi suất vay là 4,3%/năm..

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	290.461.790	-	43.625.000	-
Tạm ứng	64.318.744	-	167.614.966	-
Ký quỹ	181.830.000	-	165.300.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	1.919.440	-
Cộng	538.529.974	-	378.459.406	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	808.012.173	1.096.597.962
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	20.793.543	-
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	9.793.425	-
Cộng	838.599.141	1.096.597.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.216.139	-	35.100.256	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.163.246.162	-	1.405.845.437	-
Thành phẩm	9.022.011.251	2.432.647.426	9.337.552.640	2.554.516.194
Hàng hóa	145.814.487	-	158.377.461	-
Cộng	10.361.288.039	2.432.647.426	10.936.875.794	2.554.516.194

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018 là 3.452.528.249 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2018.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	19.910.907	18.908.496
Cộng	19.910.907	18.908.496

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí tổ chức bản thảo	686.553.493	1.219.586.862
Cộng	686.553.493	1.219.586.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Đ/tr XDCB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Khấu hao					
Số đầu năm	548.209.907	38.105.578	1.407.550.371	88.708.773	2.082.574.629
Khấu hao trong năm	185.945.756	19.052.793	174.031.338	39.426.122	418.456.009
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	734.155.663	57.158.371	1.581.581.709	128.134.895	2.501.030.637
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.983.756.918	19.677.142	406.074.082	68.995.715	3.478.503.857
Số cuối năm	2.797.811.162	624.349	232.042.744	29.569.593	3.060.047.849

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 1.122.071.363 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2018.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong năm	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.607.105.919	1.374.728.719
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.140.489.147	7.152.218.236
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	2.118.611.956	48.955.680
Trương Kim Oanh	-	867.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	-	694.125.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	82.388.633	334.781.263
Các đối tượng khác	4.791.645.532	5.135.239.317
Cộng	<u>12.740.241.187</u>	<u>15.607.048.215</u>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	2.118.611.956	48.955.680
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	3.780.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	260.929.538	238.890.113
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	339.416.728	296.859.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	41.388.732	95.233.172
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	82.388.633	334.781.263
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	1.132.913
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	172.596.516
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.607.105.919	1.477.652.719
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	46.022.000	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	25.347.998	44.400.872
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	290.085.580	346.938.444
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	-	315.502.520
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	-	839.820
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	190.610.693	209.451.144
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	789.978.271	631.979.991
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.140.489.147	7.255.142.236
Các đối tượng khác	141.142.259	131.531.869
Cộng	<u>10.223.925.047</u>	<u>11.601.889.172</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Bùi Anh Tôn	3.536.400	13.776.000
Công ty CP Phát hành sách Khánh Hòa	-	7.468.940
Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển Giáo dục	9.030.030	-
Chi nhánh Công ty CP Cửa hàng Sách - Thiết bị Giáo dục	16.551.000	-
Huyện Cần Giuộc		
Công ty TNHH MTV Sách Việt	-	15.021.000
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Các đối tượng khác	62.457.298	21.988.779
Cộng	99.894.728	66.574.719

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	107.515.412	-	84.385.194	79.659.634	102.789.852	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.550.582	338.586.762	318.016.551	-	54.120.793
Thuế TNDN	-	146.184.015	1.120.818.580	1.183.876.874	-	83.125.721
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	107.515.412	179.734.597	1.548.790.536	1.586.553.059	102.789.852	137.246.514

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí bản thảo, biên tập	2.135.873.852	2.128.952.232
Chi phí hoa hồng môi giới	1.752.589.636	928.246.062
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	3.953.463.488	3.122.198.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Thù lao trả cho HĐQT	80.000.000	34.300.000
Phải trả khác	3.150.000	3.150.000
Cộng	85.353.500	39.653.500

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.015.157.583
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.257.993.136
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.638.700.000
Số dư tại 31/12/2017	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.634.450.719
Số dư tại 01/01/2018	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.634.450.719
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.211.636.274
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.043.000.000
Số dư tại 31/12/2018	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	10.803.086.993

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.634.450.719	9.015.157.583
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.211.636.274	4.257.993.136
Phân phối lợi nhuận	4.043.000.000	3.638.700.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.043.000.000	3.638.700.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	3.638.700.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	10.803.086.993	9.634.450.719

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ-SGD ngày 23/03/2018.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	91.648.001.183	81.923.496.764
Doanh thu khác	71.378.884	125.722.103
Doanh thu bán Bất động sản đầu tư	-	10.100.000.000
Cộng	91.719.380.067	92.149.218.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	1.107.706.163	193.702.948
Cộng	1.107.706.163	193.702.948

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	71.398.625.900	65.935.254.668
Giá vốn hoạt động khác	134.241.256	167.644.646
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	10.214.024.780
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(121.868.768)	81.725.641
Cộng	71.410.998.388	76.398.649.735

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, cho vay	753.537.323	701.142.413
Cổ tức, lợi nhuận được chia	959.930.405	590.086.250
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	180.401.219	129.844.634
Cộng	1.893.868.947	1.421.073.297

26. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lỗ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	378.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	461.115.022	(14.381.374)
Chi phí lãi vay	-	2.083.333
Cộng	461.115.022	365.701.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương	4.445.265.192	3.687.437.506
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	954.529.829	929.168.927
Chi phí hoa hồng môi giới	2.110.132.783	672.123.771
Các khoản khác	946.014.935	946.656.308
Cộng	8.455.942.739	6.235.386.512

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương	3.233.981.609	2.592.218.627
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	464.119.204	509.849.848
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(257.998.821)	(223.387.902)
Các khoản khác	2.376.050.380	2.318.107.341
Cộng	5.816.152.372	5.196.787.914

28. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	-	-
Các khoản khác	156.074	1.354.157
Cộng	156.074	1.354.157

29. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	23.142.417	-
Các khoản khác	5.893.133	6.447.397
Cộng	29.035.550	6.447.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.332.454.854	5.174.969.856
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(936.787.988)	(590.086.250)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)	23.142.417	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	959.930.405	590.086.250
Tổng thu nhập tính thuế	5.395.666.866	4.584.883.606
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.120.818.580	916.976.721
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.079.133.374	916.976.721
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	41.685.206	-

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.783.732.846	7.563.993.653
Chi phí nhân công	7.679.246.801	6.279.656.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.456.009	418.456.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.900.889.229	7.915.394.979
Chi phí khác bằng tiền	4.621.701.339	4.245.428.170
Cộng	26.404.026.224	26.422.928.943

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.740.241.187	-	12.740.241.187
Chi phí phải trả	3.953.463.488	-	3.953.463.488
Phải trả khác	85.353.500	-	85.353.500
Cộng	16.779.058.175	-	16.779.058.175
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.607.048.215	-	15.607.048.215
Chi phí phải trả	3.122.198.294	-	3.122.198.294
Phải trả khác	39.653.500	-	39.653.500
Cộng	18.768.900.009	-	18.768.900.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.185.092.768	-	18.185.092.768
Đầu tư tài chính	5.185.530.423	1.780.085.001	6.965.615.424
Phải thu khách hàng	14.523.561.947	-	14.523.561.947
Phải thu về cho vay	6.945.509.800	-	6.945.509.800
Phải thu khác	474.211.230	-	474.211.230
Cộng	45.313.906.168	1.780.085.001	47.093.991.169

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.440.544.658	-	13.440.544.658
Đầu tư tài chính	9.037.821.875	1.970.365.454	11.008.187.329
Phải thu khách hàng	13.189.830.625	-	13.189.830.625
Phải thu về cho vay	6.795.509.800	-	6.795.509.800
Phải thu khác	210.844.440	-	210.844.440
Cộng	42.674.551.398	1.970.365.454	44.644.916.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Năm 2018	Năm 2017
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	12.600.000	18.795.520
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	9.403.645.252	8.744.578.943
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	587.983.253	1.128.452.005
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	275.084.000
Công ty CP Học liệu (EMCO)	140.147.810	51.696.668
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.194.109.108	463.716.770
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	7.573.139
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	30.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	675.292.580	694.954.020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	559.426.860	162.831.734
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	43.214.800	19.370.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.280.800.500	2.463.440.890
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.732.954.040	3.664.350.850
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	151.032.000	182.200.900
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	616.010.054	757.025.860
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	333.151.035	452.724.145
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	661.326.481	953.601.397
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	3.263.828.837	2.650.621.901
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	875.232.336	594.421.841
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	988.811.123	884.039.443
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	9.952.322.230	3.566.745.440
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi trẻ	38.179.100	27.964.750
Công ty CP Sách Dân Tộc	22.039.425	964.029.500
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	376.318.340	481.146.030
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	295.638.560	489.507.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	731.607.370	1.793.102.036
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.043.394.892	909.997.495
Công ty CP Đầu Tư và Xuất bản Giáo dục	-	44.712.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	46.022.000	58.885.800
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	24.031.077	286.504.872
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.586.863.700	2.984.991.202
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	845.813.544	1.474.442.136
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	901.597.000	908.485.160
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.406.797.988	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.165.316.380	1.327.118.310
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.548.803.860	1.069.413.430
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	1.201.747.653	804.409.051
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	3.579.694.940	3.518.052.210
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	27.000.505.711	24.752.917.490
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	491.610.390	39.039.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Năm 2018	Năm 2017
Cho vay		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	-	3.300.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	2.500.000.000	6.295.509.800
Thu tiền cho vay		
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	-	3.300.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	2.350.000.000	500.000.000

c. Các giao dịch khác

		Năm 2018	Năm 2017
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	612.616.000	548.641.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	183.600.000	162.600.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai